

Số: 20 /2023/NQ-HĐND

Vĩnh Phúc, ngày 15 tháng 12 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Quy định chức danh, mức phụ cấp của từng chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; mức khoán kinh phí hoạt động của tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã; mức phụ cấp của từng chức danh người hoạt động không chuyên trách và mức hỗ trợ hàng tháng đối với người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố; việc kiêm nhiệm chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố và người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC
KHOÁ XVII KỲ HỌP THỨ 13**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ khoản 3 Điều 34 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Xét Tờ trình số 399/TTr-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết Quy định về chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; việc kiêm nhiệm chức danh, mức phụ cấp của từng chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; việc kiêm nhiệm, mức hỗ trợ hàng tháng, mức phụ cấp kiêm nhiệm đối với người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố; mức khoán kinh phí hoạt động của tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc; Báo cáo số 412/BC-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân

tình giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định chức danh, mức phụ cấp của từng chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; mức khoán kinh phí hoạt động của tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã; mức phụ cấp của từng chức danh người hoạt động không chuyên trách và mức hỗ trợ hàng tháng đối với người trực tiếp tham gia các hoạt động ở thôn, tổ dân phố; việc kiêm nhiệm chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố và người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố

1. Chức danh và mức phụ cấp của từng chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; mức khoán kinh phí hoạt động của tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc

a) Chức danh và mức phụ cấp của từng chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã như sau:

TT	Chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã	Mức phụ cấp hàng tháng (Mức lương cơ sở/chức danh/tháng)		
		Loại I	Loại II	Loại III
1	Phụ trách công tác tổ chức Đảng	0,7	0,6	0,5
2	Phụ trách công tác Kiểm tra Đảng	0,7	0,6	0,5
3	Phụ trách công tác Tuyên giáo	0,7	0,6	0,5
4	Phụ trách công tác Dân vận	0,7	0,6	0,5
5	Phụ trách Văn phòng Đảng ủy	1,6	1,5	1,3
6	Chủ tịch Hội người cao tuổi	1,4	1,2	1
7	Chủ tịch Hội chữ thập đỏ	1,4	1,2	1
8	Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	1,7	1,5	1,4
9	Phó Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh	1,4	1,2	1
10	Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ	1,4	1,2	1
11	Phó Chủ tịch Hội Nông dân	1,4	1,2	1
12	Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh	1,4	1,2	1
13	Phó Chủ tịch Hội người cao tuổi	1,1	0,9	0,8
14	Phó Chủ tịch Hội chữ thập đỏ	1,1	0,9	0,8
15	Phó Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy Quân sự cấp xã	1,6	1,4	1,1
16	Quản lý nhà văn hóa - Đài truyền thanh	1,4	1,2	0,9
17	Nhân viên Thú y	1,3	1	0,7

128

b) Trường hợp người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ trung cấp, cao đẳng, đại học thì được hưởng mức phụ cấp hàng tháng bằng với mức lương bậc 1 của công chức cấp xã có cùng trình độ đào tạo (không áp dụng đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã đang hưởng lương hưu).

c) Mức khoán kinh phí hoạt động của tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã: Đơn vị hành chính cấp xã loại I: 4,5 lần mức lương cơ sở/tháng/04 tổ chức; đơn vị hành chính cấp xã loại II: 4,3 lần mức lương cơ sở/tháng/04 tổ chức; đơn vị hành chính cấp xã loại III: 4,1 lần mức lương cơ sở/tháng/04 tổ chức.

2. Mức phụ cấp của từng chức danh người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố

a) Mức phụ cấp hàng tháng của từng chức danh người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố:

TT	Chức danh	Mức hỗ trợ (Mức lương cơ sở/chức danh/tháng)	
		Thôn có từ 350 hộ trở lên; tổ dân phố có từ 500 hộ trở lên; thôn, tổ dân phố thuộc đơn vị hành chính cấp xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền	Thôn, tổ dân phố còn lại
1	Bí thư Chi bộ	2,4	1,8
2	Trưởng thôn hoặc Tổ trưởng tổ dân phố	2,4	1,8
3	Trưởng Ban Công tác Mặt trận	1,2	0,9

b) Trường hợp người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ trung cấp, cao đẳng, đại học thì được hưởng mức phụ cấp hàng tháng bằng với mức lương bậc 1 của công chức cấp xã có cùng trình độ đào tạo (không áp dụng đối với những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố đang hưởng lương hưu).

3. Mức hỗ trợ hàng tháng đối với người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố

a) Hỗ trợ Công an viên bằng 0,9 mức lương cơ sở/người/tháng; Phó Bí thư Chi bộ, Phó trưởng thôn hoặc Tổ phó tổ dân phố bằng 0,6 mức lương cơ sở/người/tháng; Quản lý nhà văn hóa, người phụ trách các tổ chức: Người cao tuổi, Cựu chiến binh, Phụ nữ, Nông dân, Đoàn thanh niên, Chữ thập đỏ mỗi người được hỗ trợ bằng 0,3 mức lương cơ sở/người/tháng. *MB*

b) Căn cứ tình hình thực tiễn, mỗi thôn, tổ dân phố bố trí kiêm nhiệm để đảm bảo không quá 04 người đối với thôn, tổ dân phố loại I; không quá 03 người đối với thôn, tổ dân phố loại II, loại III.

4. Việc kiêm nhiệm và mức hưởng phụ cấp kiêm nhiệm

a) Cán bộ, công chức cấp xã kiêm nhiệm không quá 01 chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố.

b) Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã kiêm nhiệm không quá 02 chức danh người hoạt động không chuyên trách khác ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố.

c) Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố kiêm nhiệm không quá 01 chức danh người hoạt động không trách ở thôn, tổ dân phố và 01 người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố. Trường hợp người hoạt động không trách ở thôn, tổ dân phố không kiêm nhiệm người hoạt động không chuyên trách khác thì được kiêm nhiệm không quá 02 người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố.


d) Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố và người trực tiếp tham gia các hoạt động ở thôn, tổ dân phố kiêm nhiệm người trực tiếp tham gia các hoạt động ở thôn, tổ dân phố được hưởng 100% mức hỗ trợ của người trực tiếp tham gia các hoạt động ở thôn, tổ dân phố.

5. Kinh phí thực hiện: Thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 34 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 22/2017/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định số lượng, chức danh, mức phụ cấp và một số chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách; mức khoán kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố và Nghị quyết số 119/2013/NQ-HĐND ngày 20 tháng 12 năm 2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thực hiện một số chế độ, chính sách đối với nhân viên thú y xã, phường, thị trấn.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết. 

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc Khoá XVII, Kỳ họp thứ 13, thông qua ngày 15 tháng 12 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2024. *Ư*

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Đảng ủy Khối các cơ quan, Đảng ủy Khối Doanh nghiệp tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Thường trực các huyện ủy, thành ủy; Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban mặt trận tổ quốc Việt Nam cấp huyện;
- Thường trực Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn;
- Báo Vĩnh Phúc, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, Cổng Thông tin - Giao tiếp điện tử tỉnh;
- Chánh, Phó Văn phòng, Chuyên viên Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND (01), Q (100b). *Ư*



Hoàng Thị Thúy Lan